CÔNG TY CP SUPE PHỐT PHÁT **VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54 / TB-SPLT	*Phú Thọ, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cố định thanh lý của Công Ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT- BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT- BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-SPLT ngày 13/7/2011 v/v: Ban hành quy định thanh lý TSCĐ của Công ty.

Căn cứ Quyết định số 474+475+477+478+479/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020 của Tổng Giám đốc Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao v/v: Thanh lý TSCĐ do Xí nghiệp NPK1,2,3 và Xí nghiệp Supe 1 quản lý.

Căn cứ Quyết định số 618+619+620+621/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020 và Quyết định số 70+71/QĐ-SPLT ngày 07/10/2020 của Tổng Giám đốc Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao v/v: Thanh lý TSCĐ do Xí nghiệp NPK3, Xí nghiệp Supe1, 2 và Xí nghiệp NPK Hải Dương quản lý.

Căn cứ Biên bản họp hội đồng bán đấu giá tài sản cố định thanh lý ngày 30/12/2021 về việc đồng ý giá khởi điểm bán đấu giá tài sản.

Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (Công ty) thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ tổ chức có tài sản đấu giá:

- Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.
- Địa chỉ: Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

2, Tên tài sản đấu giá: Gồm 02 gói thầu đấu giá của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa Chất Lâm Thao.

- **Gói thầu số 01**: Gồm 99 tài sản cố định thanh lý *(phụ lục 01- bảng kê 01 đi kèm).*
- **Gói thầu số 02**: Gồm 10 tài sản cố định thanh lý (*phụ lục 02 - bảng kê 03 đi kèm).*

3, Tên hàng, số lượng dự kiến và giá khởi điểm bán đấu giá:

3.1, Gói thầu số 01:

ĐVT: Đồng

S TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng (dự kiến)	Giá khởi điểm (Chưa có VAT)	Bước giá	Thành tiền (Chưa có VAT)
1	Sắt thép đen các loại *(Gồm thân, bệ, khung đỡ, con lăn, giảm tốc và phụ kiện thép đen ....).*	Kg	12.620	9.700	100	122.414.000
2	Băng tải cao su, nhựa trắng	Kg	4.260	1.700	100	7.242.000
3	Máy móc, vật tư thiết bị các loại *(gồm 75 mục)* có bảng kê 02 kèm theo	gói	01	300.000.000	1.000.000	300.000.000
	Tổng cộng					429.656.000

(Giá trên đã bao gồm cả công tháo dỡ, vận chuyển hàng ra khỏi Công ty do bên mua chịu. Vệ sinh mặt bằng tại nơi tháo dỡ và vận chuyển hàng ra khỏi Công ty theo quy định hiện hành của Công ty).

3.2, Gói thầu số 02:

ĐVT: Đồng

S TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng (dự kiến)	Giá khởi điểm (Chưa có VAT)	Bước giá	Thành tiền (Chưa có VAT)
1	Máy móc, vật tư thiết bị các loại *(gồm10 mục)* có bảng kê 03 kèm theo.	gói	01	200.000.000	1.000.000	200.000.000
	Tổng cộng					200.000.000

(Giá trên đã bao gồm cả công tháo dỡ, vận chuyển hàng ra khỏi Công ty do bên mua chịu. Vệ sinh mặt bằng tại nơi tháo dỡ và vận chuyển hàng ra khỏi Công ty theo quy định hiện hành của Công ty).

4, Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Mọi tổ chức đấu giá phải có đầy đủ tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và tiêu chí khác của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, cụ thể:

STT	Tiêu chí bắt buộc	Yêu cầu
1	Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp	Có ngành nghề đầy đủ theo yêu cầu
2	Số lượng đấu giá viên	Tối thiểu 2 đấu giá viên
3	Thời gian hoạt động	Từ 1 năm trở lên
4	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	Phù hợp theo yêu cầu của Công ty CP Supe PP & Hóa Chất Lâm Thao.
5	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết	Có phòng bán đấu giá và hệ thống thông tin phục vụ đấu giá
6	Năng lực kinh nghiệm	Có bản mô tả năng lực kinh nghiệm

7	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp	Theo quy định tại Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính và theo thỏa thuận.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 20/01/2022 đến 11h30 ngày 24/01/2022 tại phòng Kế hoạch Vật tư Công ty CP Supe Phốt phát & Hóa Chất Lâm Thao.(trừ thứ 7 và chủ nhật)

* Chi tiết xin liên hệ: Phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty CP Supe Phốt phát & Hóa Chất Lâm Thao**;** Địa chỉ: Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 02103 825 666.

Nơi nhận:
- Các tổ chức đấu giá tài sản;
- Hội đồng bán đấu giá TSCĐ cty;
- Lưu: VT, P.KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PHỤ LỤC 01 (GÓI THẦU SỐ 01)
DANH MỤC 99 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ
(Kèm theo thông báo số: /TB- SPLT ngày 20 /01/2022 về việc lựa chọn tổ chức đấu giá)

Số TT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn vị Quản lý
Theo QĐ số 478/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
1	B08P1004002	HT TBị + băng tải sản xuất NPK	Cái	01	XN NPK1
2	B16P1000001	Hệ thống tự động cấp bột tan cho dây chuyền NPK 1	Cái	01	
3	D07P3000045	Băng tải đóng bao tự động số 1(chuyển N3-N1 từ 2015)	Cái	01	
4	D07P1000005	Băng tải di động có hệ thốngTĐ k.soát số bao số 1	Cái	01	
Theo QĐ số 474/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
5	D07P1000004	Băng tải chở SSP B500 (vị số 5)	Cái	01	XN NPK1
Số lượng dự kiến: Sắt thép đen: 2.170kg; Băng tải cao su: 260kg					XN NPK1
Theo QĐ số 475/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
6	D07P2000029	HT đường ống cấp thải nước-Nhà SX chính	Cái	01	XN NPK2
7	D07P2000037	Băng tải đồng bộ chuyển bao số1	Cái	01	
8	D07P2000038	Băng tải đồng bộ chuyển bao số2	Cái	01	
9	D07P2000039	Băng tải đồng bộ chuyển bao số3	Cái	01	
10	D07P2000040	Băng tải đồng bộ chuyển bao số4	Cái	01	
Theo QĐ số 479/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
11	D07P2000031	Băng tải di động có hệ thốngTĐ kiểm soát số bao số 1	Cái	01	XN NPK2
12	D07P2000032	Băng tải di động có hệ thốngTĐ kiểm soát số bao số 2	Cái	01	
13	E01P2000001	Hệ thống cân đóng bao tự động số1	Cái	01	
14	E01P2000002	Hệ thống cân đóng bao tự động số 2	Cái	01	
15	B07P3030025	Thiết bị làm tơi sản phẩm đóng bao(chuyển N2 từ 2015)	Cái	01	
16	B16P2000001	Hệ thống tự động cấp bột tan cho dây chuyền NPK 2	Cái	01	
Số lượng dự kiến: Sắt thép đen: 3.200kg; Băng tải cao su: 900kg					XN NPK2
Theo QĐ số 620/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
17	B07P3030019	Máy vần đập bao sản phẩm	Cái	01	XN NPK3
18	D07P3000035	Băng tải di động có hệ thốngTĐ kiểm soát số bao số 1	Bộ	01	
19	D07P3000036	Băng tải di động có hệ thốngTĐ kiểm soát số bao số 2	Cái	01	
Số lượng dự kiến: Sắt thép đen: 1.090kg; Băng tải cao su: 600kg					XN NPK3
Theo QĐ số 477/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					XN

20	B07S1004015	Thùng cao vị nước	Cái	01	SUPE1
21	B07S1001002	BUNKE APATIT(1+2) lên lò 1	Cái	01	
22	D07S1001017	B.CHUYEN QUANG VAO KHO	Cái	01	
23	D07S1006014	Băng tải di động có hệ thống TĐ kiểm soát số bao số 1	Cái	01	
24	B07S1005008	Tháp hấp thụ khí FLUO	Cái	01	
Theo QĐ số 70/QĐ-SPLT ngày 07/10/2020					
25	B07S1006042	Tháp hấp thụ FLour số 3	Cái	01	XN SUPE 1
Số lượng dự kiến: Sắt thép đen: 4.800kg; Băng tải cao su:400kg; Nhựa:2000 kg					XN SUPE1
Theo QĐ số 621/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
26	D07S2007136	Băng tải số 117	Cái	01	XN SUPE2
27	D06S2002004	Cầu trục 5 tấn	Cái	01	
28	D06S2003010	Cầu trục 5 tấn NS	Cái	01	
Số lượng dự kiến: Sắt thép đen: 1.360kg; Băng tải cao su:100kg;					XN SUPE2
Theo QĐ số 478/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					XN NPK1
29	D06P1000006	Xe nâng hàng TOYOTA SM :2Z0110930-SK12543	Cái	01	
30	B07P1030004	Máy nén khí Puma 30HP	Cái	01	
Theo QĐ số 474/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
31	B02P1000001	Máy trộn vữa cỡng bức	Cái	01	
Theo QĐ số 475/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					XN NPK2
32	B02P2000002	Máy trộn bê tông	Cái	01	
33	D06P2000103	Pa lăng điện	Cái	01	
Theo QĐ số 479/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
34	D06P2000102	Xe nâng hàng TOYOTA SM :2Z0113022-SK13518	Cái	01	XN NPK2
35	D06P2000104	Xe nâng hàng XGNA	Cái	01	
36	B07P2031006	Máy nghiền búa	Cái	01	
37	B05P3031016	Bơm ly tâm cánh hở(chuyển N3->N1 từ 2015)	Cái	01	
38	B05P3031018	Bơm ly tâm gối trục I nox(sang N2 từ 2015)	Cái	01	
39	B05P2010012	Bơm ly tâm trục ngang cánh hở 5,5kw 2950 v/p	Cái	01	
40	B05P2010013	Bơm ly tâm trục ngang cánh hở 5,5kw 2950 v/p	Cái	01	
Theo QĐ số 620/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
41	B07P3030016	Máy nén khí PU ma	Cái	01	XN NPK3
42	C07P3009018	Máy chưng cất đạm	Cái	01	
43	C07P3009004	Máy chưng cất đạm	Cái	01	
44	C07P3009016	Máy chưng cất đạm số 3	Cái	01	
45	C07P3009006	Quang kế ngọn lửa	Cái	01	
46	C07P3009017	Quang kế ngọn lửa	Cái	01	
47	B05P3031014	Bơm ly tâm gối trục cánh hở chống lắng cặn số 1	Cái	01	
48	B05P3031015	Bơm ly tâm gối trục cánh hở chống lắng cặn	Cái	01	

		số2			
49	B07P3030015	Máy nén khí PU ma	Cái	01	
Theo QĐ số 477/QĐ-SPLT ngày 24/7/2020					
50	B07S1006018	Máy nén khí PUMa Số 2	Cái	01	XN SUPE1
51	B07S1006026	Máy nén khí Pu ma	Cái	01	
52	B07S1006038	Máy bơm a xít FLoursilisic số 4A	Cái	01	
53	B07S1006043	Máy bơm a xít FLoursilisic số 3A	Cái	01	
54	B07S1006049	Máy bơm áp lực	Cái	01	
55	B07S1006051	Máy bơm sữa vôi số 1	Cái	01	
56	B07S1006055	Máy bơm a xít FLoursilisic số 3B	Cái	01	
57	B07S1006056	Máy bơm a xít FLoursilisic số 4B	Cái	01	
58	B07S1006059	Máy bơm sữa vôi số 2	Cái	01	
59	B07S1006027	Máy nén khí PUMa	Cái	01	
Theo QĐ số 621/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
60	B07LC010112	Máy nén khí Puma	Cái	01	XN SUPE2
61	B07LC010113	Máy nén khí Pu ma	Cái	01	
62	B07LC010114	Máy nén khí Pu ma	Cái	01	
63	B07LC010097	Máy nén khí Pu ma	Cái	01	
64	B07LC010030	Máy nén khí	Cái	01	
65	D06LC000023	Xe xúc lật số 2	Cái	01	
66	B07S2010016	Máy khuấy trộn hoát chất với nước thải số 1	Cái	01	
67	B07S2010018	Máy khuấy trộn hoát chất với nước thải số 2	Cái	01	
68	B07S2010019	Máy khuấy trộn hoát chất với nước thải số 3	Cái	01	
69	B05S2000009	Bơm bùn bể lắng tấm nghiêng 1	Cái	01	
70	B05S2000017	Bơm bùn bể lắng tấm nghiêng 2	Cái	01	
71	B05S2000019	Bơm a xít trừ sâu	Cái	01	
72	B05S2000020	Bơm a xít trừ sâu Số 2	Cái	01	
73	B05S2000021	Bơm nước thải hố hố gom 1	Cái	01	
74	B05S2000022	Bơm sữa vôi số 1	Cái	01	
75	B05S2000023	Bơm sữa vôi số 2	Cái	01	
76	B05S2000024	Bơm nước thải hố hố gom 2	Cái	01	
77	B05S2000025	Bơm a xít trừ sâu số 1	Cái	01	
78	B05S2000026	Bơm a xít trừ sâu số 2	Cái	01	
79	C07S2000008	Hệ thống điều khiển PLCS -7200	Cái	01	
80	C07S2000011	Thiết bị báo mức bể gom nước thải	Cái	01	
81	D06LC000001	Cầu trục gầu ngoạm 1 tấn	Cái	01	
82	B05S2000008	Bơm nước thải tuần hoàn 1	Cái	01	
83	B05S2000012	Bơm định lượng hoá chất Polyme 1	Cái	01	
84	B05S2000013	Bơm sữa vôi	Cái	01	
85	B05S2000014	Bơm cặn vôi	Cái	01	
86	B05S2000016	Bơm nước thải tuần hoàn 2	Cái	01	
87	B05S2000018	Bơm định lượng hoá chất Polyme 2	Cái	01	
88	C07S2000009	Màn hình vận hành mầu	Cái	01	
89	C07S2000010	Thiết bị đo PH số 1	Cái	01	
90	C07S2000012	Thiết bị đo PH số 2	Cái	01	

91	F03S2008005	Bồn pha trộn hoá chất số1	Cái	01	XN SUPE2
92	F03S2008006	Bồn pha trộn hoá chất số2	Cái	01	
93	F03S2008007	Bồn pha trộn hoá chất số3	Cái	01	
94	F03S2008008	Bồn pha trộn hoá chất số4	Cái	01	
95	F03S2008009	Bồn pha trộn hoá chất số5	Cái	01	
96	D06LC000032	Pa lăng điện số 2	Cái	01	
Theo QĐ số 70/QĐ-SPLT ngày 07/10/2020					
97	B07S1006048	Máy bơm dịch thải nhiễm a xít số 1	Cái	01	**XN SUPE1**
98	B07S1006058	Máy bơm dịch thải nhiễm a xít số 2	Cái	01	
99	D06P3001010	Xe nâng KOMATSU	Cái	01	

BẢNG KÊ 02 ĐI KÈM GÓI THẦU SỐ 01

(Máy móc vật tư thiết bị 75 danh mục)

1. Xe nâng hàng TOYOTA SM	: 01 cái
2. Máy nén khí Puma 30HP (có động cơ)	: 01 cái
3. Máy trộn vữa cưỡng bức (có động cơ)	: 01 cái
4. Máy trộn bê tông (có động cơ)	: 01 cái
5. Pa lăng điện (có động cơ)	: 01 cái
6. Xe nâng hàngTOYOTA SM	: 01 cái
7. Xe nâng hàng XGNA	: 01 cái
8. Máy nghiền búa (có động cơ)	: 01 cái
9. Bơm li tâm cánh hở (có động cơ)	: 01 cái
10. Bơm li tâm gối trục inox (có động cơ)	: 01 cái
11. Bơm li tâm trục ngang cánh hở (có động cơ)	: 01 cái
12. Bơm li tâm trục ngang cánh hở (có động cơ)	: 01 cái
13. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
14. Máy chưng cất đạm	: 01 cái
15. Máy chưng cất đạm	: 01 cái
16. Máy chưng cất đạm số 3	: 01 cái
17. Quang kế ngọn lửa	: 01 cái
18. Quang kế ngọn lửa	: 01 cái
19. Bơm li tâm gối trục cánh hở chống lắng cặn số 1 (có động cơ)	: 01 cái
20. Bơm li tâm gối trục cánh hở chống lắng cặn số 2 (có động cơ)	: 01 cái
21. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
22. Máy nén khí Puma số 2 (có động cơ)	: 01 cái
23. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
24. Máy bơm A xít Floursilisic số 4A (có động cơ)	: 01 cái
25. Máy bơm A xít Floursilisic số 3A (có động cơ)	: 01 cái
26. Máy bơm áp lực (có động cơ)	: 01 cái
27. Máy bơm sữa vôi số 1 (có động cơ)	: 01 cái
28. Máy bơm A xít Floursilisic số 3B (có động cơ)	: 01 cái
29. Máy bơm A xít Floursilisic số 4B (có động cơ)	: 01 cái
30. Máy bơm sữa vôi số 2 (có động cơ)	: 01cái
31. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
32. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
33. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
34. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
35. Máy nén khí Puma (có động cơ)	: 01 cái
36.Máy nén khí (có động cơ)	: 01 cái
37. Xe xúc lật số 2	: 01 cái
38. Máy khuấy trộn hóa chất với nước thải số 1 (có động cơ)	: 01 cái
39. Máy khuấy trộn hóa chất với nước thải số 2 (có động cơ)	: 01 cái
40. Máy khuấy trộn hóa chất với nước thải số 3 (có động cơ)	: 01 cái
41. Bơm bùn bể lắng tấm nghiêng 1 (có động cơ)	: 01 cái
42. Bơm bùn bể lắng tấm nghiêng 2 (có động cơ)	: 01 cái
43. Bơm A xít trừ sâu (Có động cơ)	: 01 cái
44. Bơm A xít trừ sâu số 2 (Có động cơ)	: 01 cái

45. Bơm nước thải hố gom 1(có động cơ) : 01 cái
46. Bơm sữa vôi 1 (có động cơ) : 01 cái
47. Bơm sữa vôi 2 (có động cơ) : 01 cái
48. Bơm nước thải hố gom 2 (có động cơ) : 01 cái
49. Bơm a xít trừ sâu số 1 (có động cơ) : 01 cái
50. Bơm a xít trừ sâu số 2 (có động cơ) : 01 cái
51. Hệ thống điều khiển PLCS -7200 : 01 cái
52, Thiết bị báo mức bể gom nước thải : 01cái
53. Cầu trục gầu ngoặm 1 tấn : 01 cái
54. Bơm nước thải tuần hoàn 1 (có động cơ) : 01 cái
55. Bơm định lượng hóa chất Polyme 1 (không động cơ) : 01 cái
56. Bơm sữa vôi (có động cơ) : 01cái
57. Bơm cặn vôi (có động cơ) : 01 cái
58. Bơm nước thải tuần hoàn 2 (có động cơ) : 01 cái
59. Bơm định lượng hóa chất Polyme 2 (không động cơ) : 01 cái
60. Màn hình vận hành màu : 01 cái
61. Thiết bị đo PH số 1 : 01 cái
62. Thiết bị đo PH số 2 : 01 cái
63. Bồn pha trộn hóa chất số 1 : 01 cái
64. Bồn pha trộn hóa chất số 2 :01cái
65. Bồn pha trộn hóa chất số 3 :01cái
66. Bồn pha trộn hóa chất số 4 :01cái
67. Bồn pha trộn hóa chất số 5 :01cái
68. Pha lăng điện số 2 (có động cơ) :01 cái
69. Máy bơm dịch thải nhiễm a xít số 1 (có động cơ) : 01 cái
70. Máy bơm dịch thải nhiễm a xít số 1 (có động cơ) : 01 cái
71. Xe nâng KOMATSU : 01 cái
72. Động cơ 1,5 KW (XN NPK1: 02 đ/c; NPK2: 07 đ/c) : 09 cái
73. Động cơ 3 KW (XN NPK1) : 02 cái
74. Động cơ 3,7 KW (XN NPK1: 01 đ/c; NPK2: 03 đ/c; NPK3: 03 đ/c; Supe 1: 01 đ/c) : 08 cái
75. Động cơ 7,5 KW (XN Supe2: 03 đ/c; Supe1: 01 đ/c) : 04 cái

PHỤ LỤC 02 (GÓI THẦU SỐ 02)
DANH MỤC 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ
(Kèm theo thông báo số: /TB- SPLT ngày 20 /01/2022 về việc lựa chọn tổ chức đấu giá)

Số TT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn vị Quản lý
Theo QĐ số 618/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
1	**D01PL004000**	**Xe cứu thương TOYOTA**	cái	01	XN NPK Hải Dương
Theo QĐ số 619/QĐ-SPLT ngày 21/9/2020					
2	**B07HD036**	**Quạt hút sấy: 50.000m3/h, H400mm**	Cái	01	XN NPK Hải Dương
3	**B07HD060**	**Quạt hút khí thải từ thùng làm nguội**	Cái	01	
4	**D06HD056**	**Pa lăng điện P=2T, H=12m; N= 3,07Kw KToan**	Cái	01	
5	**E03HD086**	**Máy quang kế ngọn lửa**	Cái	01	
6	**E03HD092**	**Máy chưng cất đạm (Modell: VAP20Scat. No 12-0020)**	Cái	01	
7	**D06HD055**	**Xe nâng hàng TOYOTA SM**	Cái	01	
Theo QĐ số 71/QĐ-SPLT ngày 07/10/2020					
8	**D06HD059**	**Xe nâng hàng TOYOTA**	Cái	01	XN NPK Hải Dương
9	**D06HD058**	**Xe nâng hàng KOMASU 2,5 tấn**	Cái	01	
10	**D01HD052**	**Xe xúc lật**	Cái	01	